TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2024
V/v Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Út.

2. Bà Phan Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024. Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Thanh T**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, Tp. H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Hồ Văn M**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Tổ 37 Hồ Xuân Hương, Kp. Cư Xá Mới, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Lê Thị Thanh T trình bày và yêu cầu như sau:

Vợ chồng chúng tôi chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng đến ngày 06/7/2016 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện K cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Khi mới cưới thì vợ chồng sống với gia đình anh M tại xã H, huyện K được một thời gian, sau đó thì gia đình anh M mới chuyển về sống tại

số 37 khu phố Cư Xá Mới, thị trấn K, huyện K và chuyển hộ khẩu về đây sinh sống cho đến nay. Sống được một thời gian thì vợ chồng về sống cùng với cha mẹ tôi ở ấp Hòn Giang, xã Tiên Hải, thành phố H. Quá trình sống tại đây thì đã xảy ra mâu thuẫn do anh M chơi cờ bạc nợ nần, không lo cho vợ con nhưng do cha mẹ hàn gắn nên tôi cũng tha thứ tiếp tục chung sống. Sau đó đến năm 2014, vợ chồng cùng đi làm tại khu công nghiệp Tân Hương tỉnh Tiền Giang làm được một thời gian thì xảy ra dịch Covid 19 nên tôi quay về H sống cùng với cha mẹ ruột. Kể từ đó anh M cũng không gửi tiền về lo cho các con, cũng như không quan tâm gia đình, không chịu về H sinh sống, mặt dù tôi và gia đình có nói nhiều lần. Anh M tìm đủ lý do để không về, nói là do còn nợ tiền cờ bạc nên phải làm trả nợ nên không có tiền gửi về, gia đình hỏi thì anh M báo nợ là 20.000.000 đồng, tôi và gia đình sẽ đứng ra trả để anh M về nhưng anh M vẫn cố tình né tránh không chịu về. Đối với người chồng, người cha không có trách nhiệm với vợ con, không quan tâm cuộc sống gia đình, tôi nhận thấy không còn tình cảm, không thể hàn gắn, không thể chung sống nên tôi cương quyết xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 02 cháu tên Hồ T, sinh năm 2010 và Hồ N, sinh năm: 2016. Từ trước đến nay vợ chồng tôi có gửi 02 cháu lại cho cha mẹ ruột tôi nuôi dưỡng, hàng tháng 02 vợ chồng có gửi về cho ông, bà khoảng 1.500.000 đồng để lo cho các cháu. Từ năm 2021 đến nay, khi tôi về ở cùng các cháu thì anh M đã không gửi tiền về lo cho các con, cũng như không có sự quan tâm thăm hỏi, không có trách nhiệm, từ đó chúng tôi cũng đã sống ly thân với nhau. Hiện tại tôi đã đi làm thu nhập ổn định tại H cùng cha mẹ lo cho các con ăn học. Vì vậy tôi xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có.

- Tại bản tự khai anh Hồ Văn M trình bày:

Quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị T trình bày là đúng. Anh M cho rằng cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, từ năm 2014 đến năm 2021 vợ chồng cùng đi làm công nhân tại tỉnh Tiền Giang. Năm 2021 do dịch bệnh Covid 19 nên vợ về H sinh sống và lo cho các con, còn anh M vẫn ở lại làm công nhân cho đến nay. Do bị mất nợ tại nơi làm việc nên anh M làm không có dư, vì vậy không có tiền gửi về cho các con hơn 01 năm và cũng chưa thể về H sống cùng với vợ con. Anh nhận thấy không có mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết xin ly hôn với anh M vì cho rằng anh M sẽ không bao giờ thay đổi, hiện tại chị cũng không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn và chung sống với anh M được nữa.

Theo biên bản xác M tại khu phố Cư Xá Mới, thị trấn K cho biết: Anh Hồ Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Vợ chồng anh M, chị T từ trước đến nay không có đến khu phố yêu cầu giải quyết việc hôn nhân nên địa phương cũng không nắm được sự việc mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của anh, chị.

Theo biên bản xác M ông Lê Văn Sáu và bà Huỳnh Thị Ba cho biết: Ông Sáu, bà Ba là cha mẹ ruột của chị Lê Thị Thanh T, quá trình sống chung ông, bà nhận thấy từ khi 02 vợ chồng anh M, chị T cưới nhau sống với gia đình ông, bà tại thành phố H thì khi có đứa con đầu tiên là cháu Hồ T thì đã xảy ra mâu thuẫn, T đã muốn ly hôn với lý do là M cờ bạc không lo cho vợ con. Chúng tôi cũng hàn gắn cho con nên 02 vợ chồng mới chịu quay lại chung sống với nhau. Sau đó 02 vợ chồng cùng đi làm công nhân tại tỉnh Tiền Giang từ 2014 để lại 02 con cho chúng tôi nuôi dưỡng, mỗi tháng 02 vợ chồng có gửi tiền về khoảng 1.500.000 đồng để nuôi các cháu, số tiền này là không đủ nhưng vì thương các cháu nên vợ chồng tôi cũng cố gắn lo cho các cháu ăn học để con cái yên tâm đi làm kiếm tiền lo cho cuộc sống gia đình. Đến năm 2021, sau khi dịch bệnh Covid 19 xảy ra thì T về H sống cùng với gia đình chúng tôi, từ đó đến nay thì M không hề gửi tiền về lo cho vợ con, khi chúng tôi hỏi thì M nói còn nợ tiền do thua bạc nên phải ở lại làm trả nợ không thể về được. Chúng tôi có hỏi nợ bao nhiêu thì M nói nợ khoảng 20.000.000 đồng nhưng làm đến nay 02 năm mà không trả hết nợ, không có dư gửi về cho vợ con, vợ chồng tôi có nói sẽ đứng ra trả số tiền này để M có thể về H, vợ chồng cùng đi làm lo cho các con nhưng M vẫn tìm cách tránh né không muốn về với lý do là về không có việc gì để làm nên vợ chồng T, M đã sống ly thân cho đến nay. Trong khi đó vợ chồng tôi cùng cháu T phải làm lo cho các cháu đến nay đã 02 năm nhưng M không có trách nhiệm gì với gia đình, bỏ mặc vợ con không lo, với trách nhiệm là cha mẹ chúng tôi luôn mong muốn 02 vợ chồng chung sống hạnh phúc, lo cho các con nhưng với M chúng tôi nhận thấy là người không có trách nhiệm, không lo cho gia đình, không quan tâm với vợ con, tuy chúng tôi đã tạo điều kiện hết mức nhưng M vẫn cố tình không về, bỏ mặc vợ con sống với chúng tôi. Với người con rễ như vậy chúng tôi nhận thấy vợ chồng không thể sống chung được nữa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh M, giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Chị T phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn anh Hồ Văn M có nơi cư trú tại khu phố Cư Xá Mới, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân và con chung của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với anh Hồ Văn M có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Hồ Văn M có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/7/2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy chị T có yêu cầu ly hôn nhưng anh M không đồng ý vì cho rằng trong cuộc sống hôn nhân không có mâu thuẫn gì lớn. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng trở về sống đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, chị T khẳng định không thể hàn gắn với anh M, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Tuy anh M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn nên không đồng ý ly hôn nhưng anh M cũng thừa nhận hiện tại còn mắc nợ chỗ làm không thể về được, không nói nguyên nhân mắc nợ, nên không có tiền gửi về cho vợ con. Tuy vợ và cha mẹ vợ đều đồng ý đứng ra trả nợ để anh M có thể về gần vợ con làm ăn lo cho cuộc sống gia đình nhưng anh M vẫn tìm cách thoái thác không về. Vì vậy từ năm 2021 khi chị T bỏ về H sống thì anh M không có trách nhiệm, không lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con, từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Tuy anh M không muốn ly hôn nhưng xét thấy hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định*: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trong quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân*

không đạt được". Từ những căn cứ nêu trên xét nên cho chị T được ly hôn với anh M.

[4] Về con chung: Có 02 cháu tên Hồ T, sinh năm 2010 và cháu Hồ N, sinh năm: 2016. Xét thấy từ trước đến nay 02 cháu sống cùng ông, bà ngoại, cha mẹ đi làm xa không có mặt thường xuyên để quan tâm, chăm sóc các cháu. Hiện tại các cháu sống với chị T từ năm 2021 đến nay, chị T có thu nhập ổn định, cùng ông, bà ngoại lo cho các cháu ăn học. Trong khi đó anh M do còn mắc nợ, không đồng ý về sống cùng vợ con ở H và cũng không có sự quan tâm thăm hỏi, không có trách nhiệm, chăm sóc nuôi nấn các con chung. Mặt khác, yêu cầu xin nuôi con của chị T cũng phù hợp với nguyện vọng của các con nên giao các con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị T có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

***Vì caùc leõ treân*,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Hồ Văn M.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hồ T và cháu Hồ N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Bảo đảm cho anh M quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0001813 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên chị T không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Pho